

L 461 t

HỘI GIẢNG DỤC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 1

---

NGUYỄN ÁNH TUYẾT

**ĐẶC TRƯNG TÂM LÝ  
CỦA TRẺ EM CÓ NĂNG KHIẾU THỜ**

TÓM TẮT LUẬN AN PHÓ TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

THÁNG 1.1979

Công trình được hoàn thành tại khoa Tâm lý — Giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, dưới sự hướng dẫn của các ông :

- 1 — PHẠM MINH HẠC, Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học giáo dục.
- 2 — NGUYỄN LƯƠNG NGỌC, Nhà nghiên cứu lý luận văn học, nguyên Hiệu trưởng Trường HSP Hà Nội 1.
- 3 — NGUYỄN ĐỨC UY, Phó tiến sĩ Tâm lý học, Trường HSP Hà Nội 1.

Người nhận xét luận án :

- 1 — HỒ NGỌC ĐẠI, Tiến sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục.
- 2 — HOÀNG NGỌC HIỂN, Phó tiến sĩ ngữ văn.

Cơ quan nhận xét luận án :

Ban Tâm lý học, Viện Khoa học giáo dục, Bộ Giáo dục.

Luận án sẽ thảo luận trước Hội đồng chấm luận án của Nhà nước, ngày ..... tháng ..... năm 1979.

Địa điểm bảo vệ : .....

Các bản nhận xét xin gửi về Phòng Quản lý khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.

BỘ GIÁO DỤC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI I

---

NGUYỄN ANH TUYẾT

**ĐẶC TRƯNG TÂM LÝ  
CỦA TRẺ EM CÓ NĂNG KHIẾU THƠ**

TÓM TẮT LUẬN AN PHÓ TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

L 481t

THÁNG 1 - 1979

## PHẦN THỨ NHẤT

### I - LÝ DO CHỌN ĐỀ

1. Việc nghiên cứu năng khiếu thơ hy vọng phát hiện được một số nét tâm lý đặc trưng cơ bản của trẻ em trong hoạt động sáng tạo thơ ca, góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận của tâm lý học năng lực, đặc biệt là về năng khiếu — Từ đó có thể góp một phần nhỏ để xây dựng cơ sở khoa học cho việc bồi dưỡng năng khiếu thơ, một loại năng khiếu ít nhiều mang truyền thống dân tộc ta, nhằm nuôi dưỡng tâm hồn thơ trong sự hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam, con người có tình cảm thẩm mỹ lành mạnh, năng lực thưởng thức và sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống, trong lao động, trong thiên nhiên và trong nghệ thuật như đã nêu trong đường lối của Đảng về giáo dục phổ thông.

2. Việc nghiên cứu năng khiếu thơ, hy vọng sẽ đóng góp vào việc cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy môn tâm lý học ở khoa Văn trường Đại học Sư phạm, cung cấp cho sinh viên một số hiểu biết về tâm lý học để vận dụng vào việc học tập hiện nay và giảng dạy văn học ở trường phổ thông sau này.

3. Qua việc nghiên cứu năng khiếu thơ mà cung cấp cho những người nghiên cứu tâm lý học trẻ em, những thầy giáo, cô giáo và các bậc cha mẹ một số hiểu biết và cứ liệu về thế giới tâm hồn trẻ Việt Nam.

## II — LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Tâm lý học năng lực có một lịch sử lâu đời. Đó cũng là lịch sử đấu tranh giữa các quan điểm triết học, tâm lý học khác nhau. Có thể nêu lên thành hai loại quan điểm chính sau đây :

**1. Những quan điểm không maexit về năng lực,** bao gồm từ quan điểm duy tâm siêu của Platông đến những quan điểm duy tâm siêu hình hiện đại (sinh vật hóa, hoặc « xã hội » hóa con người), thịnh hành nhất là thuyết di truyền sinh học — Tất cả những quan điểm sai lầm này đều đối lập con người với xã hội, tách quá trình hình thành năng lực con người khỏi những điều kiện xã hội — lịch sử.

**2. Quan điểm maexit về năng lực.**

Những nhà tâm lý học maexit (như L.X.Vurgótsky, A.N.Lêônchiep, X.I. Rubinstein, A.R. Luria, B.G. Ananhep, v.v...) đã phát triển luận điểm về con người và năng lực con người của Mac và Lênin, và vạch rõ phương hướng lý luận cho ngành tâm lý học năng lực bằng những luận điểm cơ bản sau đây :

*a) Bản chất xã hội của năng lực.*

Nguồn gốc và nội dung của năng lực con người là ở ngoài con người, ở trong nền văn hóa xã hội. Cơ chế phát triển năng lực con người là sự *lĩnh hội kinh nghiệm xã hội lịch sử* được kết tinh trong nền văn hóa xã hội — Do đó những điều kiện sống thực của mỗi người quy định nên bản chất xã hội của năng lực người đó.

*b) Bản chất hoạt động của năng lực.*

Năng lực của mỗi người được hình thành bằng chính hoạt động của người đó — Những chức năng tâm lý,

những thành phần của năng lực được hình thành bởi hoạt động và là những tố thành nội tại của hoạt động tạo ra sự vận động và định hướng cho hoạt động. Từ đó mà hình thành nên một phương pháp nghiên cứu gọi là phương pháp hoạt động (tức là phương pháp nghiên cứu năng lực gắn liền với hoạt động).

Trên cơ sở những luận điểm cơ bản này, nhiều nhà tâm lý học đã nghiên cứu nhiều năng lực cụ thể nhằm nêu lên những nét tâm lý cơ bản đặc trưng cho từng hoạt động nhất định.

Về năng lực thơ, ở Liên Xô và một số nước khác đã được nghiên cứu nhiều trong văn học, mỹ học, triết học v.v... Trong tâm lý học đã có nhiều công trình nghiên cứu. Nhưng trong phần lớn các công trình đó thơ được gộp chung vào văn học, (như công trình của A.à. Kavaliốp, M. Achnaudốp (Bungari), V.P. Iaguncôva v.v...) hoặc được nghiên cứu trong các công trình tâm lý học nghệ thuật nói chung (được công bố trong một số tác phẩm của L.X. Vagôtski, P.M. Iacôpxon, O.I. Nihikiphôrôva v.v...) nên chưa nêu lên được những thành phần tâm lý đặc trưng cho hoạt động sáng tạo thơ ca.

Riêng về việc nghiên cứu trẻ em làm thơ thì lẽ lẽ đó đây đã có người đề cập đến. Chẳng hạn ở Pháp, Jean Rousselot đã nghiên cứu trường hợp Minou Drouer (sau này trở thành một nữ văn sĩ). Nhưng ông đã coi đây là một trường hợp ngẫu nhiên, giả tạo đáng hoài nghi, nên chưa thể rút ra từ đây một kết luận nào có ý nghĩa giáo dục. Ở Việt Nam, Phạm Hoàng Gia đã nghiên cứu một em bé tuổi mẫu giáo biết « làm thơ » và đã phân họa được một số thành phần ban đầu của năng khiếu thơ và sự vận động của chúng trong tuổi

mẫu giáo — Nhưng việc nghiên cứu này chỉ mới dừng lại ở một trường hợp (em Hoàng Hoa Anh) và ở một lứa tuổi (tuổi mẫu giáo), bằng phương pháp nghiên cứu sản phẩm.

### III — NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI

Tim hiểu một số nét tâm lý đặc trưng (về quan sát, tư duy, tưởng tượng, xúc cảm, ngôn ngữ) của trẻ em có năng khiếu thơ. Từ đó bắt đầu tìm hiểu thực chất của năng khiếu thơ và sự phát triển của năng khiếu thơ qua các lứa tuổi: mẫu giáo, nhi đồng, thiếu niên.

— Tác giả đề tài này không nghiên cứu năng lực thơ của trẻ em về mặt sinh học.

### VI — PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Những nguyên tắc chỉ đạo.

a) Đặt việc nghiên cứu năng khiếu trong điều kiện sống thực của trẻ, trong điều kiện xã hội cụ thể.

b) Nghiên cứu năng khiếu thơ phải được tiến hành trong hoạt động của trẻ, đặc biệt là hoạt động sáng tạo thơ ca.

c) Đặt việc nghiên cứu thơ trong việc xem xét sự phát triển nhân cách của trẻ.

d) Phải chú trọng đến những đặc trưng của hoạt động sáng tạo thơ ca.

#### 2. Những phương pháp nghiên cứu.

a) *Phương pháp quan sát — đàm thoại — điều tra.*

Yêu cầu của việc quan sát là làm sao để biết được những biểu hiện tâm hồn của các em. Cho nên phải *thâm nhập* vào đời sống của trẻ để có một quan hệ thân tình, làm sao cho các em tin mến, dám thổ lộ tâm tư

và sống cởi mở tự nhiên. Đồng thời tìm cách chuyển trò trao đổi với các em về nhiều mặt của cuộc sống, đặc biệt là về thơ.

Để những cứ liệu được chính xác, chúng tôi còn thăm tra lại bằng cách trò chuyện với người lớn (cha, mẹ, anh, chị, thầy giáo, cô giáo, v.v...) và bạn của các em — đồng thời lập cho mỗi em làm thơ một bản lý lịch, trong đó ghi rõ hoàn cảnh sống, sự giáo dục của gia đình và nhà trường, những hoạt động, những mối quan hệ, sự phát triển những đặc điểm tâm lý có liên quan đến việc làm thơ qua các thời kỳ tuổi.

*b) Phương pháp thực nghiệm.*

Chúng tôi dùng thực nghiệm tự nhiên với 2 nhiệm vụ:

— *Phát hiện*, làm lộ ra những nét tâm lý đặc trưng của trẻ có năng khiếu thơ.

— *Kiểm tra*, lại những nét tâm lý đặc trưng đã được phát hiện bằng những phương pháp khác.

Đề tài này đã tiến hành được 8 thực nghiệm (trên 80 em, trong đó có 8 em có năng khiếu thơ) để phát hiện và kiểm tra những nét đặc trưng trong quan sát, tư duy, tưởng tượng, cảm xúc, ngôn ngữ.

*c) Phương pháp nghiên cứu sản phẩm.*

— Nghiên cứu những bài thơ đã xuất bản, không xuất bản, kể cả những bản thảo.

— Nghiên cứu thơ của mỗi em qua từng thời kỳ tuổi để hình dung được cả quá trình phát triển năng khiếu thơ của em đó.

Khi phối hợp các phương pháp ấy, chúng tôi chú ý sử dụng *phương pháp nghiên cứu theo chiều ngang* (tức là nghiên cứu những nét tâm lý của nhiều em trong



cùng một lứa tuổi) và *phương pháp nghiên cứu theo chiều dọc* (tức là nghiên cứu sự phát triển tâm lý một em qua các thời kỳ tuổi).

## V — ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Để nghiên cứu đề tài này chúng tôi chọn những em có năng khiếu thơ (tức là những em đã làm được những bài thơ hay, được giải thưởng trong các kỳ thi do báo Thiếu niên tiền phong tổ chức và được dư luận tán thưởng) và những em bình thường (tức là những em chưa làm thơ bao giờ nhưng có thể có năng khiếu khác) để đối chiếu với nhau qua những phương pháp nói trên — Tất cả gồm 80 em, đối tượng chính là 8 em có năng khiếu thơ là: Trần Đăng Khoa, Cẩm Thơ, Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Đức Dũng, Thúy Giang, Vũ Hạnh Thắm, Ngô Thị Bích Hiền, Hoàng Hoa Anh. Trong đó Trần Đăng Khoa được coi là đối tượng trung tâm — Ngoài 8 em trên, chúng tôi còn nghiên cứu hầu hết các em có thơ đăng trên các sách báo hoặc được gia đình ghi chép lại.

*/Hữu Ước*

2. Chúng tôi còn chú ý đến những nhà thơ đã trưởng thành gồm nhiều thế hệ: trước Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, để tìm hiểu các vấn đề như:

- Hoàn cảnh sống và giáo dục trong thời thơ ấu.
- Sự phát triển các mặt, chủ yếu là năng khiếu thơ trong thời thơ ấu.
- Những quan điểm về thơ.
- Quá trình làm một bài thơ.

v.v... bằng các phương pháp: trò chuyện, điều tra, nghiên cứu sản phẩm (bao gồm: tác phẩm thơ, lý luận, hồi ký,

những bài hát biểu hiện trên các sách báo v.v..) và lý lịch — Ngoài ra chúng tôi còn chú ý đến các nhà thơ lớn của thế giới qua sách, báo trong và ngoài nước.

## VI — GIẢ THUYẾT KHOA HỌC

1. Coi năng khiếu thơ là một mô hình cụ thể để nghiên cứu năng khiếu của trẻ em.

2. Năng khiếu thơ có thể có một cấu trúc rất phức tạp, bao gồm nhiều chức năng tâm lý tác động chi phối lẫn nhau khi trẻ em hoạt động sáng tạo thơ ca — Mỗi thành phần tâm lý phải có những đặc điểm phù hợp với hoạt động sáng tạo thơ ca — Chẳng hạn :

— Quan sát tinh tường để thu lượm những ấn tượng trực quan sinh động tinh tế về thế giới.

— Tư duy trực giác để phát hiện trực tiếp bản chất của cuộc sống.

— Tưởng tượng mạnh mẽ phóng khoáng để sáng tạo nên những hình ảnh thơ đẹp.

— Dễ xúc cảm trước những hiện thực cuộc sống và năng lực đồng cảm cao.

— Ngôn ngữ được lựa chọn, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh, cô đọng để vật chất hóa hình tượng thơ.

3. Cấu trúc năng khiếu thơ được hình thành và phát triển cùng với nhân cách của trẻ bằng những hoạt động về nhiều mặt trong cuộc sống, đặc biệt là hoạt động sáng tạo thơ ca — Cấu trúc này rất cơ động, được phát triển qua các thời kỳ tuổi và được hoàn thiện dần.

## PHẦN THỨ HAI

### Chương I

#### ĐẶC TRUNG CỦA QUAN SÁT Ở TRẺ EM CÓ NĂNG KHIẾU THƠ

**1. Quan sát thế giới xung quanh trở thành một nhu cầu, một niềm say mê.**

Trong hoạt động nói chung, trẻ em rất thích quan sát — Nhiều đặc điểm của sự vật được các em phát hiện trong khi học tập, lao động, vui chơi. Đặc biệt trò chơi đòi hỏi các em phải quan sát. Nhưng rồi việc quan sát lại biến thành một trò chơi vô cùng lý thú đối với những em có năng khiếu thơ — Hàng ngày các em rất thích quan sát nên luôn biết lắng nghe, nhìn kỹ những gì đã xảy ra quanh mình. Nhờ đó sự vật hiện lên trong trí các em thật muôn màu, muôn vẻ.

Niềm say mê quan sát đã thúc đẩy các em muốn làm thơ để nói lên những điều thích thú do quan sát mang lại. Rồi chính việc làm thơ lại làm cho quan sát trở thành một nhu cầu, một niềm say mê thực sự và ở một số trẻ em nó đã biến thành một thói quen.

**2. Tinh nhạy cảm (sensibilité) của quan sát.**

Nhờ thói quen ngắm nhìn thế giới, các giác quan của các em được rèn luyện tinh nhạy dần giúp cho việc

quan sát trở nên *nhạy cảm* (tức là quan sát tinh và nhanh), biểu hiện ở chỗ :

a) Biết phát hiện những thuộc tính *tinh vi* ở sự vật và phân biệt được những biến đổi rất tinh tế trong trời đất như :

*Đêm. Hương nhàn đặc lại.*

b) Biết phát hiện những thuộc tính *mới lạ* ở những sự vật thông thường, như :

*Sau làn mưa bụi tháng ba*

*Lá tre bông đỏ như là lửa thiêu.*

Đó là một sự phát hiện sáng tạo, làm cho cách nhìn không bị rập khuôn theo nếp cũ. Nhờ đó tình yêu của các em đối với con người và cảnh vật quen thuộc luôn được nóng hổi, tươi mới mà không bị giảm sút đi vì sự nhàm chán.

c) Biết phát hiện những thuộc tính *đặc sắc* của sự vật trong tính đa dạng của nó. Nhờ đó khi miêu tả các em biết tập trung vào những nét đặc sắc nhất, làm nổi bật vẻ độc đáo, riêng biệt của từng sự vật, như :

*Những chị mọt lỏi thoi dải dọc dải ngang.*

### 3. Tinh mẫn cảm (*impressionnabilité*) của quan sát.

Nhờ tính nhạy cảm và niềm say mê quan sát các em đã thu lượm được nhiều màu sắc, âm thanh, hương vị, của thế giới bên ngoài và tích lũy lại trong ký ức thành lượng dự trữ những ấn tượng trực quan phong phú, cho phép nảy sinh nhanh chóng, dễ dàng những liên tưởng mỗi khi có sự vật bên ngoài tác động đến, như :

*Tiếng diều xanh lúa*

*Uốn cong tre làng.*

trong đó nhiều nhất là những liên tưởng về đời sống con người, như :

*Chi tre chải tóc bên ao*

*Đàn mây áo trắng ghé vào soi gương.*

Trẻ em có năng khiếu thơ thường nhạy bén với những mối quan hệ giữa thuộc tính vật chất của sự vật với đời sống của con người, nên các em thấy gần gũi gắn bó với nó. Phát hiện được những mối quan hệ đó cũng tức là biết phát hiện những *thuộc tính đẹp ở sự vật*, làm nảy sinh ở các em những xúc cảm thẩm mỹ dồi dào, tạo nên *trạng thái xúc cảm đặc biệt*, có tác dụng chi phối mạnh mẽ lại quá trình quan sát. Trong trạng thái xúc cảm đặc biệt ấy, các em càng dễ dàng phát hiện được những quan hệ thẩm mỹ ~~ấy~~. *Khả năng phát hiện một cách nhạy bén mối quan hệ giữa những thuộc tính vật chất của sự vật xung quanh với đời sống con người, ta gọi là tính mẫn cảm của quan sát*. Một sự quan sát như vậy chính là sự cảm thụ tinh tế đối với thế giới bên ngoài.

Tính nhạy cảm và tính mẫn cảm là hai đặc tính cơ bản nhất, tác động chi phối lẫn nhau trong quá trình quan sát. Nhưng đối với hoạt động sáng tạo thơ ca thì *tính mẫn cảm chiếm vị trí chủ yếu hơn*.

Những điều nhận xét trên đây được thể hiện trong đời sống và trong thơ của trẻ em có năng khiếu thơ và càng rõ trong các thực nghiệm — Trong thực nghiệm 1 và 2, các em có nhiệm vụ quan sát bức tranh «Rừng cọ trước gió» và «Cây si». Kết quả trong các nhóm thực nghiệm như sau :

— Những em bình thường đều nhìn thấy những thuộc tính rõ ràng, dễ nhận nhất.

— Đối với những em có năng khiếu thơ, ngoài thuộc tính dễ nhận ra, các em còn phát hiện nhiều thuộc tính tinh vi khác, đặc biệt là phát hiện được nhiều mối quan hệ giữa sự vật trong tranh với đời sống của con người, nên đã gây ra nhiều xúc cảm ở các em.

— Trong những thực nghiệm này sự quan sát của những em có năng khiếu thơ đều mang tính nhạy cảm và tinh mẫn cảm cao. Nhưng tinh mẫn cảm đã làm lảng tinh nhạy cảm một cách rõ ràng.

*càng quan sát*  
Quan sát là điều kiện để đưa chất liệu thực tế vào thơ, làm cho thơ luôn đời dào sức sống, lại tránh được những suy tưởng thiếu căn cứ và những tưởng tượng viển vông, siêu thực. Quan sát càng tinh tế bao nhiêu, càng nghe nhiều sắc thái, âm điệu trong thế giới quanh ta bao nhiêu thì phạm vi xúc cảm biểu hiện sự phát triển tinh thần con người càng rộng lớn bấy nhiêu.

## Chương II

### ĐẶC TRUNG CỦA TƯ DUY Ở TRẺ EM CÓ NĂNG KHIẾU THƠ

Trẻ em có năng khiếu thơ khi tư duy thường *hướng về những vấn đề của đời sống xã hội* — Trước bất kỳ đối tượng nào, dù là vật vô tri vô giác, các em đều có những suy nghĩ về con người. Các em thường có nhu cầu muốn phát hiện sự thật về đời sống xã hội.

Xu hướng xã hội này làm cho quá trình tư duy của các em có những đặc trưng sau :

1. Xét trong mối quan hệ giữa tư duy theo hướng tổng hợp với tư duy theo hướng phân tích. Trước các em sự vật thường mang tính toàn bộ mà không bị tách biệt ra từng mảnh, từng bộ phận, dù đối tượng phản ánh là một tổng thể phức tạp hoặc một cá thể riêng lẻ hoặc một bộ phận một chi tiết. Các em thường có xu hướng liên kết những bộ phận của đối tượng phản ánh hoặc liên kết đối tượng phản ánh với những gì có liên quan để cố tạo ra một chỉnh thể, trong đó cuộc sống toàn bộ và sinh động được hiện ra — Điều đó xác định rằng, *tư duy của trẻ em có năng khiếu thơ theo hướng tổng hợp là chính.*

Tuy nhiên, muốn tạo nên cấu trúc toàn bộ của sự vật trong đầu óc, các em đã phải phân tích sự vật một cách sâu sắc, phát hiện được nhiều chi tiết, nhiều thuộc tính tinh tế rồi liền ngay đó là thiết lập những mối quan hệ giữa chúng để kiến tạo nên một chỉnh thể — Như vậy, tổng hợp đã dựa vào phân tích và phân tích là để tạo điều kiện cho tổng hợp. Nét đặc sắc ở mối quan hệ này trong tư duy của trẻ em có năng khiếu thơ là sự *sáp nhập nhanh chóng* của hai quá trình phân tích và tổng hợp — Kết quả là tạo ra một sản phẩm mang tính chất tổng hợp — hình tượng thơ.

Điều nhận xét này được thể hiện rõ trong thơ của các em và trong thực nghiệm. Kết quả thực nghiệm 1 và 2 cho thấy rằng số em trong các nhóm thực nghiệm chia thành 2 loại với hai cách nhìn khác nhau:

— Một số em nhìn sự vật theo hướng phân tích, chia cắt sự vật ra thành nhiều bộ phận xem chúng gần như không liên quan gì với nhau.

— Một số em khác nhìn sự vật theo hướng tổng hợp — Các em đã phát hiện ra nhiều mối quan hệ giữa

các chi tiết trong tranh với nhau và với những gì có liên quan để tạo nên một cuộc sống toàn vẹn — Những em có năng khiếu thơ thuộc loại này và đạt mức cao nhất.

2. Xét trong mối quan hệ giữa tư duy hình tượng với tư duy trừu tượng.

Trong quá trình tư duy, trẻ em có năng khiếu thơ thường dựa vào những hình ảnh trực quan để *phát hiện trực tiếp bản chất cuộc sống* và thường biểu hiện ý nghĩ của mình bằng hình ảnh cụ thể, chẳng hạn, dùng hình ảnh:

*Ao trường vẫn nở hoa sen  
Bờ tre vẫn chú dẽ mèn vuốt râu.*

để nói lên ý chí của dân tộc Việt Nam không sợ đế quốc Mỹ.

Hình tượng thơ của các em vừa mang tính trực quan vừa chứa đựng bản chất cuộc sống — Điều này chứng tỏ rằng, tư duy của các em tuy theo kiểu hình tượng nhưng có sự hỗ trợ tích cực của tư duy trừu tượng — Hình tượng thơ là kết quả của sự tác động qua lại giữa hai kiểu tư duy đó, mối quan hệ này là có *thứ bậc* trong đó *tư duy hình tượng là chủ yếu còn tư duy trừu tượng giữ vai trò điều khiển và điều chỉnh* — Kết quả là tạo ra hình tượng thơ vừa cụ thể sinh động, vừa mang ý nghĩa trừu tượng về cuộc sống.

Điều nhận xét này được thể hiện rõ trong thực nghiệm 3. Trong thực nghiệm này các em có nhiệm vụ giải thích những khái niệm trừu tượng: « Tỏ quốc », « Tự do ». Số em ở các nhóm thực nghiệm được phân thành hai loại với hai cách giải thích khác nhau:

— Một số em giải thích « Tỏ quốc », « Tự do » theo kiểu định nghĩa một khái niệm khoa học trừu tượng.



— Một số em khác dùng nhiều hình ảnh sinh động trong cuộc sống để làm rõ bản chất khái niệm « Tổ quốc » và « Tự do ». Những em có năng khiếu thơ thuộc loại này và đạt mức cao nhất.

3. Xét trong mối quan hệ giữa tư duy và xúc cảm.

Trong hoạt động sáng tạo thơ ca, các em tư duy chủ yếu là để phát hiện mối quan hệ giữa đối tượng khách quan với chủ thể phản ánh — Như vậy các em không chỉ phát hiện *nghĩa khách quan* (Znachenje) của đối tượng bằng *tư duy* mà còn xác lập *ý cá nhân* (Smysl') của mình với đối tượng qua sự bày tỏ thái độ của bản thân trước hiện thực bằng những *rung động*, tức là đã sáp nhập ý cá nhân vào nghĩa khách quan, cũng tức là *sáp nhập xúc cảm vào tư duy* tạo ra một kiểu tư duy đặc biệt mà L.X. Vurgôtski gọi là *tư duy xúc cảm* — Kết quả là hình thành nên những *cảm nghĩ* về cuộc sống chứ không phải là những suy lý, phán đoán đơn thuần.

Điều nhận xét này thể hiện rõ trong thực nghiệm 1, 2, 3. Khi tìm hiểu một sự vật hay một khái niệm số em trong các nhóm thực nghiệm lại chia thành 2 loại.

— Một số em có thái độ rất khách quan nhằm phát hiện nghĩa khách quan của đối tượng.

— Một số em khác đem cả thái độ chủ quan bằng những *rung động* của mình vào việc tìm hiểu đối tượng, những em này đã sáp nhập ý cá nhân vào nghĩa khách quan. Những em có năng khiếu thơ thuộc loại này và ở mức độ cao.

4. Xét trong mối quan hệ giữa cái khái quát và cái cá biệt (giữa cái chung và cái riêng).

Sở với các em cùng lứa tuổi thì tư duy của trẻ em có năng khiếu thơ mang tính khái quát cao — Điều này được thể hiện trong thực nghiệm 4, các em có nhiệm vụ đặt đầu đề cho một câu chuyện sao cho đầu đề ngắn gọn nhất mà nói lên đúng chủ đề của câu chuyện. Những em có năng khiếu thơ và toán đạt kết quả cao nhất. Tư duy khái quát cao được biểu hiện ở nhiều ý thơ khá bao quát gần với chân lý phổ biến, như :

*Ai không nhỏ bé*

*Trước quê hương mình (+).*

Nhưng cho dù ý thơ có bao quát đến đâu, các em cũng biểu hiện nó trong hình ảnh của sự vật cụ thể, cá biệt. Chẳng hạn ý thơ trên (+) được biểu hiện trong mối quan hệ cụ thể của chiếc vỏ sò và ngọn gió. Gió tuy «Cao hơn ngàn đảo đá» nhưng lại được sinh ra từ chiếc vỏ sò bé xiu thành tiếng vo vo. Tính khái quát trong tư duy còn biểu hiện ở chỗ, các em biết lựa chọn cái cá biệt tiêu biểu nhất để nói lên ý thơ bao quát của mình — Nhiều khi chỉ những chi tiết nhỏ mà lại mang ý nghĩa rộng lớn, như hình ảnh : «Nước như ai nấu — Chết cả cá cò — Cua ngoi lên bờ — Mẹ em xuống cấy», đã nói lên khá đầy đủ và sâu sắc cái khắc nghiệt của thiên nhiên nước ta và sức chịu đựng của người nông dân. Khả năng biểu hiện cái khái quát trong cái cá biệt tiêu biểu, ta gọi là *khái quát hóa hình tượng* (khác với khái quát hóa khái niệm trong tư duy khoa học), trong nghệ thuật gọi là *điển hình hóa*. Nhờ đó nhiều hình tượng thơ đã mang tính điển hình.

Bốn đặc điểm này đã làm cho tư duy của các em gần với kiểu *tư duy trực giác* của các nghệ sĩ.

### CHƯƠNG III

## ĐẶC TRUNG CỦA TƯỢNG TƯỢNG Ở TRÉ EM CÓ NĂNG KHIẾU

Trong thơ các em, hình ảnh của sự vật bên ngoài được phản ánh vào không còn giữ nguyên mà chúng được cải biến, nhào nặn qua hoạt động tích cực của trí tưởng tượng.

Có ba phương thức các em hay dùng trong quá trình tưởng tượng để sáng tạo hình ảnh là :

#### 1. Thêm yếu tố mới vào sự vật vốn có.

Các em thường thêm yếu tố mới vào sự vật vốn có, khi thì thêm vào những bộ phận, khi thì thêm vào những hành động v.v... để tạo nên những hình ảnh mới mẻ, sinh động về cuộc sống, như :

*Hàng bơi đu đưa*

*Bể lũ con*

*Đầu tròn trọc lóc.*

Nhờ vậy mà các em có thể mở rộng phạm vi phản ánh hiện thực về không gian và thời gian. Do đó hình ảnh trong thơ của các em không những nói lên phần vốn có của cuộc sống mà còn nói lên được cả phần *sẽ có* và phần *cần phải có* trong tương lai, làm nảy sinh ở các em những ước mơ trong sáng và khát vọng muốn vun đắp vào chỗ cuộc sống ngày càng đẹp hơn.

#### 2. Xác lập những liên tưởng.

Khi nhìn sự vật, các em thường nảy sinh những liên tưởng. Đó là việc xác lập những mối quan hệ giữa sự

vật đang được tri giác với những biểu tượng trực quan đã giữ lại trong trí nhớ.

Liên tưởng của các em mang những đặc điểm sau đây :

*a) Tính sáng tạo.*

Các em có năng khiếu thơ không chỉ có khả năng lập lại những mối *quan hệ vốn có* của sự vật (tức là những liên tưởng tái tạo) mà bằng trí tưởng tượng mãnh liệt các em còn xác lập được những quan hệ mới hoặc thêm những yếu tố mới vào sự vật rồi xác lập những mối quan hệ giữa chúng — Đó là những *liên tưởng sáng tạo*, như liên tưởng giữa mây đen và Thành Gióng : « Ông trời — Mặc áo giáp đen — Ra trận ». Trí tưởng tượng càng phát triển mạnh, càng dễ nảy sinh liên tưởng sáng tạo — phần lớn những bài thơ hay của các em thường có nhiều liên tưởng sáng tạo làm người đọc bị bất ngờ một cách thú vị.

*b) Tính nhạy bén và đa dạng.*

Những em có năng khiếu thơ thường có thói quen hệ tri giác sự vật là liên tưởng ngay — Vì thế liên tưởng được coi là một trong những cơ chế chủ yếu của tri giác — Đôi khi chỉ cần một sự vật tác động thôi mà đã có hàng loạt những hình ảnh khác được khơi dậy trong đầu óc, khiến cho hình ảnh trong thơ các em trở nên phong phú và biến hóa muôn màu muôn vẻ — Chẳng hạn, một cánh diều ~~mà~~ đã gợi lên bao nhiêu là hình ảnh, khi thì :

« Sao trời trôi qua — Diều thành mây vàng » khi thì « Diều hay chiếc thuyền — trôi trên sông Ngân », khi thì « Diều là hạt cau — phơi trên nông trời » v.v...

*c) Tính nhân hóa.*

Loại liên tưởng mà các em thường dùng nhiều nhất trong thơ là liên tưởng nhân hóa, tức là thiết lập mối

quan hệ giữa thiên nhiên và con người—Do đó sự vật trong thế giới tự nhiên khi đi vào thơ đều được biến thành con người mà trở nên gần gũi gần bó với các em—Nhờ đặc điểm này, các em đã tạo cho thơ những hình ảnh đẹp, giàu sức gợi cảm, như :

*Những chị lúa phất phơ bím tóc  
Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học  
Đàn cò áo trắng — khiêng nặng qua sông  
Cô gió chặn mây trên đồng  
Bác mặt trời đạp xe qua đỉnh núi.*

### 3. Cường điệu hóa.

Khi sáng tạo hình ảnh, các em thường nhấn mạnh bộ phận này hay bộ phận khác, thuộc tính này hay thuộc tính khác, có khi phải nâng cao tầm vóc hoặc phóng đại kích thước vốn có của sự vật nhằm biểu hiện triệt để cảm nghĩ của mình trước hiện thực và gây tác động truyền cảm mãnh liệt nhất đến người đọc. Chẳng hạn, tiếng loa phát thanh được cường điệu lên.

*Tiếng loa dậy lên từ đất  
Tiếng loa dội xuống từ trời.*

đề báo cho mọi người biết một tin quan trọng :

*Thằng giặc Mỹ ném bom Hà Nội rồi  
Hà Nội có Bác Hồ đang ở.*

Nếu biết dùng phương thức này đúng chỗ, đúng mức các em sẽ tạo cho thơ những hình ảnh giàu sức biểu hiện, Nhưng nếu dùng quá đi một chút hoặc không đúng lúc thì dễ rơi vào bệnh « khoa trương », làm cho hình ảnh trong thơ trở nên giả tạo.

Những điều nhận xét trên đây được thể hiện rõ trong các thực nghiệm 1, 2. Ở đây các em có năng khiếu thơ đã dùng phương thức 1 và 2 để tạo ra nhiều hình ảnh mới lạ thiết lập nhiều liên tưởng sáng tạo, đặc biệt là những liên tưởng nhân hóa.

Trong thực nghiệm 5, các em xem bức ảnh màu chụp lại phim lá phổi — Bức ảnh đó đã gợi lên trong trí tưởng tượng của các em nhiều hình ảnh phong phú mới lạ và được cường điệu hóa, trong khi đó, ở những em bình thường bức ảnh chỉ gợi ra một số ít hình ảnh thông thường, đúng với hình của bức ảnh, ít có sự thêm bớt, sáng tạo vào.

Trí tưởng tượng rất cần cho hoạt động sáng tạo thơ ca. Nhờ đó mà thơ của các em giàu hình ảnh và nhờ đó cảm nghĩ của các em được « vật thể hóa » thành thực thể hữu hình dưới dạng cảm tính, được người đọc cảm thụ một cách trực tiếp. Nhưng trí tưởng tượng chỉ phát huy thế mạnh trong thơ khi nó thực sự dựa vào hiện thực của đời sống, khi được bồi đắp bởi những tình cảm nồng nàn, trong sáng và được chỉ đạo đúng hướng của tư duy.

#### *Chương IV*

### **ĐẶC TRƯNG CỦA XÚC CẢM Ở TRẺ EM CÓ NĂNG KHIẾU THƠ**

Các chương trên đã chứng minh rằng, không một chức năng tâm lý nào trong hoạt động sáng tạo thơ ca lại không gắn liền với xúc cảm và bị chi phối bởi xúc

cảm—Xúc cảm đã làm nổi rõ những nét đặc trưng cho thơ của những chức năng tâm lý ấy—Xúc cảm là cái hồn của mọi bài thơ.

*Xúc cảm thơ* (tức là xúc cảm được biểu hiện trong quá trình sáng tạo thơ) có gì khác với xúc cảm thông thường?

*Xúc cảm thơ bắt nguồn từ xúc cảm thông thường và cũng có nội dung với xúc cảm thông thường* đó là thái độ của con người đối với cuộc sống. Cũng như thơ người lớn, trong thơ trẻ em cuộc sống tình cảm đã chiếm phần chủ yếu của nội dung—Các em đã dành nhiều vần thơ hay nhất, xúc động nhất cho những gì các em yêu quý nhất, như:

*Mẹ là đất nước tháng ngày của con.*

Vì vậy bồi dưỡng một đời sống tình cảm với những xúc cảm trong sáng, chân thật là điều hết sức cần cho những em muốn làm thơ—Tuy nhiên không phải hề có tình cảm là làm được thơ. Để đáp ứng với yêu cầu của hoạt động sáng tạo thơ ca, xúc cảm thông thường phải được *biến đổi* (theo L.X. Vurgốtxki) thành xúc cảm thơ.

Nghiên cứu những em có năng khiếu thơ, chúng tôi cũng thấy rằng, quá trình phát triển năng khiếu thơ về mặt xúc cảm vừa tuân theo qui luật thông thường, vừa diễn ra một quá trình biến đổi từ xúc cảm thông thường thành xúc cảm thơ với những đặc tính: *thắm mỹ, khái quát và tích cực.*

### 1. Tính thắm mỹ của xúc cảm thơ.

Tính thắm mỹ của xúc cảm thơ biểu hiện ở chỗ, xúc cảm thơ không gắn trực tiếp với nhu cầu sinh học mà *gắn liền với nhu cầu tinh thần của con người, nhất là nhu cầu về cái đẹp.* Ở trẻ em có năng khiếu thơ, nhu

cầu này phát triển mạnh, gần như lúc nào các em cũng muốn khám phá cái đẹp trong thế giới quanh mình. Như được « Nghe giọt sương đọng mặt trên cánh tre » hay được nhìn « Mặt trời mọc dưới chân như một giọt phẩm đỏ ». Nhu cầu đó đã làm nảy sinh ở trẻ những xúc cảm thẩm mỹ khi tiếp xúc với cái đẹp, tức là lúc các em biết phát hiện mối quan hệ giữa những thuộc tính vật chất của sự vật bên ngoài với cuộc sống gần gũi của các em, cũng tức là lúc trẻ biết đưa ý cá nhân nhập vào nghĩa khách quan của đối tượng phản ánh.

Xúc cảm thẩm mỹ phát triển mạnh ở các em có năng khiếu thơ vào cuối tuổi mẫu giáo và đầu tuổi học—Lúc này các em đã biết phát hiện cái đẹp trong thiên nhiên và trong cuộc sống như « Ông mặt trời óng ánh », « Quả na mở mắt tròn xoe », « Cánh hoa xoan rơi tím trên mái tóc » v.v... Đến tuổi thiếu niên, việc tiếp thu kinh nghiệm của loài người kết tinh trong nền văn hóa xã hội/lãng cường và đã thúc đẩy quá trình chuyển những giá trị xã hội thành những nhu cầu tinh thần của các em, làm cho xúc cảm của thiếu niên được gắn liền với những giá trị xã hội đặc biệt là những giá trị thẩm mỹ. Nhờ đó xúc cảm thẩm mỹ của các em càng thêm sâu sắc khi nhận ra những giá trị thẩm mỹ, như :

*Trong tiếng đàn bầu*

*Tất cả bỗng thành thi sĩ.*

Sự phát triển mạnh những xúc cảm thẩm mỹ ở các em có năng khiếu thơ đã thể hiện rõ trong các thực nghiệm 1 và 2. Do việc phát hiện được nhiều thuộc tính đẹp ở bức tranh nên trong khi xem tranh xúc cảm



thăm mý đã nảy sinh ở các em nhiều và sâu sắc hơn những em bình thường.

## 2. Tính khái quát của xúc cảm thơ.

Trong hoạt động sáng tạo thơ ca những xúc cảm thông thường được biến đổi đi mà thành xúc cảm thơ. Nét cơ bản của sự biến đổi ấy theo L.X.Vurgốtxky là ở chỗ: « Xúc cảm ấy vượt lên trên xúc cảm cá nhân, khái quát hóa trở thành xúc cảm xã hội ».

Sự phát triển xúc cảm ở trẻ được diễn ra trong một tiến trình lâu dài, trong đó những xúc cảm bậc thấp (gắn liền với nhu cầu sinh học) tiến dần đến những xúc cảm bậc cao (gắn liền với nhu cầu tinh thần và với giá trị xã hội) — Đó là việc « xã hội hóa » xúc cảm của trẻ được tiến hành trong quá trình hình thành nhân cách. Nhưng xúc cảm ấy vẫn chỉ là *xúc cảm riêng* của đứa trẻ, được nảy sinh từ mối *quan hệ riêng* giữa nó với đối tượng khách quan. Đó chưa phải là xúc cảm nghệ thuật, xúc cảm thơ, vì nghệ thuật là sự khái quát hóa, hệ thống hóa những kinh nghiệm quan hệ đang tồn tại ở nhiều người (thuộc một tầng lớp, một giai cấp, một dân tộc). Vậy muốn có xúc cảm nghệ thuật nghệ sĩ đã tự vượt lên mình, thoát ra khỏi mình, nhập mình vào người tiêu biểu nhất (cho một tầng lớp, một giai cấp, một dân tộc) tức là đã biến đổi xúc cảm cá nhân thành xúc cảm xã hội, cũng tức là biến xúc cảm của riêng mình thành xúc cảm có tính chất chung cho sự thể nghiệm giống nhau ở nhiều người để đạt tới những *xúc cảm điển hình* mang tính khái quát cao.

Cơ sở nảy sinh xúc cảm điển hình là *năng lực đồng cảm*, được hình thành từ lòng yêu thương tha thiết đối với con người, từ sự hiểu biết cuộc sống sâu sắc để nhận thức được sự thể nghiệm của người khác và từ

tri tưởng tượng mãnh liệt để tự thoát ra khỏi mình, đặt mình vào cảnh ngộ của người khác mà rung cảm cùng với họ.

Năng lực đồng cảm xuất hiện ở trẻ em vào đầu tuổi học (cá biệt có em ở tuổi mẫu giáo). Tuy nhiên sự đồng cảm này mới chỉ hướng tới những người gần gũi trong gia đình và được biểu hiện một cách ngây thơ— Trẻ càng lớn, cùng với sự phát triển của tình cảm, tư duy và tưởng tượng, năng lực đồng cảm cũng đạt tới mức độ cao với phạm vi rộng hơn. Ở trẻ em có năng khiếu thơ, năng lực đồng cảm phát triển sớm và mạnh, tạo điều kiện để các em vươn tới những xúc cảm điển hình và trở thành một trong những động lực chủ yếu của hoạt động sáng tạo thơ ca.

### 3. Tính tích cực của xúc cảm thơ.

Xúc cảm thơ bao giờ cũng mang tính tích cực vì nó thực hiện hoạt động sáng tạo của con người. Trẻ em có năng khiếu thơ thường nhạy cảm trước cuộc sống, do đó dễ nảy sinh xúc cảm thẩm mỹ, là loại xúc cảm tích cực. Những xúc cảm thẩm mỹ đó được phát triển nhanh và tích lũy lại tạo nên cơn rung động mạnh. Đó là *trạng thái xúc cảm tích cực* (cảm hứng) chuẩn bị cho các em có tư thế sẵn sàng hoạt động, làm nảy sinh nhu cầu sáng tạo, thôi thúc các em làm thơ để biểu hiện cảm nghĩ của mình trước cuộc sống. Trong trạng thái xúc cảm đặc biệt đó, các em dễ dàng huy động sự hoạt động tích cực của các chức năng tâm lý nên dễ sáng tạo nên những bài thơ hay.

Tình thẩm mỹ, tình khái quát, tính tích cực là những đặc điểm vô cùng quan trọng của xúc cảm thơ cần được nuôi dưỡng trong đời sống tình cảm để làm cho tâm hồn thơ của các em ngày càng phong phú.

## DẶC TRUNG CỦA NGÔN NGỮ Ở TRẺ EM CÓ NĂNG KHIẾU THƠ

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em có năng khiếu thơ cũng phải nằm trong quy luật phát triển ngôn ngữ của trẻ em nói chung. Tuy nhiên do yêu cầu của hoạt động sáng tạo thơ ca mà ngôn ngữ của trẻ em có năng khiếu thơ có những đặc điểm nổi bật so với trẻ em bình thường:

### 1. Ngôn ngữ sớm trở thành đối tượng của ý thức.

Hiện tượng ý thức được ngôn ngữ của mình có ở hầu hết trẻ em, khi chúng biết dùng ngôn ngữ để biểu hiện thái độ của mình trước hiện thực vào cuối tuổi mẫu giáo đầu tuổi học. Ở trẻ em có năng khiếu thơ hiện tượng này có sớm hơn (có em 3 tuổi đã có hiện tượng này). Các em không những thích nghe những lời nói hay và còn biết *phân tích những đặc điểm trong ngôn ngữ của mình*. Khi làm thơ các em có ý thức *chọn từ và biết tổ chức ngôn ngữ* của mình sao cho đúng, cho hay — Đặc biệt các em rất thích những *trò chơi chữ*, như tập gieo vần hay tìm âm lạ v.v... Nhờ những trò chơi chữ mà các em học được tiếng mẹ đẻ một cách tinh tế, lĩnh hội được âm nhạc trong tiếng nói, lĩnh hội được cái mà các nhà ngôn ngữ học gọi là «*tinh thần của tiếng nói*» như Goocki đã kiểm nghiệm bằng quan sát và bằng kinh nghiệm của chính mình — Lớn dần lên các em còn chú ý học hỏi cách nói của những người xung quanh, nhất là trong ca dao tục ngữ, trong thơ cổ điển và trong các tác phẩm khác — Các em còn biết sáng tạo ra những từ mới chưa có trong cách nói quen thuộc, như «*ngã lộn phở*»,

«thở lí hợp» «lần củ quay» v.v... Rõ ràng đối với trẻ em có năng khiếu thơ thì ngôn ngữ sớm trở thành đối tượng của mọi hoạt động có ý thức — Đó là hoạt động sáng tạo thơ ca.

## 2. Ngôn ngữ giàu tính nhạc.

Khi tiếp xúc với ngôn ngữ, cái mà trẻ tiếp thu đầu tiên trong lời nói là phần nhạc điệu, sau đó mới đến ý nghĩa — Trẻ nhỏ nghe thấy từ như một âm thanh, cho nên trẻ tiếp thu rất dễ dàng nhạc điệu của thơ ca. Những em có năng khiếu thơ mà chúng tôi nghiên cứu đều có cái may là ngay từ thuở lọt lòng đã được sống trong một thế giới tràn ngập âm hưởng thơ ca, nhờ đó các em đến với thơ một cách rất tự nhiên. Ngay từ khi học nói, các em/thuộc rất nhiều thơ, ca dao, tục ngữ, và rất thích lối nói có vần, có điệu rồi tự mình nói lên thành vần, thành điệu như:

*Bố về hỏi mẹ đi đâu  
Đi đâu lâu lắm đi đâu lâu lắm rồi*

các em luồn mẫu giáo khi «làm thơ», trước hết là chạy theo vần điệu mà chưa quan tâm đến ý nghĩa của «câu thơ», như:

*Tang tang tang tang  
Là con bướm vàng  
Tàng tàng tàng tàng  
Chú bé lang thang*

Thơ của các em thường có vần điệu, nhịp điệu rõ ràng và dứt khoát, đọc lên có thể nhảy múa, ca hát theo. Lúc đầu các em cố bắt chước lối gieo vần ngắt câu trong những thể thơ quen thuộc, dần dần về sau mới sáng tạo ra những vần điệu phù hợp với nội dung biểu hiện.

Do tiếp xúc thường xuyên với thơ ca nên *cảm giác vần điệu và nhịp điệu* trong ngôn ngữ của các em khá *nhạy bén*. Điều này thể hiện rõ trong thực nghiệm 7 và 8 — Các em có nhiệm vụ sắp xếp lại những từ đã cho (nguyên ở một đoạn thơ có vần điệu uyển chuyển rõ ràng, nhưng bị phá vỡ đi và được xếp lại lung tung, không còn nhận ra vần điệu nữa) thành những câu mà khi đọc lên nghe êm tai. Kết quả là số em trong nhóm thực nghiệm chia làm ba loại:

— Một số em đếm chữ chia câu, không kể vần điệu ý nghĩa.

— Một số em sắp chữ theo ý nghĩa của câu mà không cần đến vần điệu.

— Một số khác xếp chữ thành câu có vần điệu, nhịp điệu hài hòa, tạo nên một đoạn thơ cân đối mà vẫn có ý nghĩa. Những em có năng khiếu thơ đều thuộc loại này và đạt mức cao.

Nhạc tính là yếu tố *trước tiên và trực tiếp* làm cho ngôn ngữ thông thường của các em biến thành ngôn ngữ thơ ca. Có thể nói, nét đặc trưng nổi nhất trong ngôn ngữ của các em có năng khiếu thơ là *giàu tính nhạc*.

### 3. Ngôn ngữ giàu hình ảnh.

Xúc cảm của trẻ thường gắn liền với trí giác và trẻ làm thơ trước hết là để nói lên những điều thích thú của mình do quan sát mang lại. Đọc thơ các em ta có cảm giác là như được xem những bức tranh do các em vẽ. Ngôn ngữ trong thơ đã gọi lên hình dáng, màu sắc rất cụ thể như ta đang nhìn trực tiếp vào sự vật — Phỏng theo những bài thơ ấy nhà học sĩ có thể vẽ thành những bức tranh rất sinh động.

*Cái vườn nhỏ nhỏ  
Cò gió đến chơi  
Cò đưa vòng đỏ  
Ru chú mặt trời*

Lớn dần lên, các em muốn dùng thơ để biểu hiện cảm nghĩ của mình trước cuộc sống thông qua những hình ảnh mà các em sáng tạo ra. Do đó bài thơ cũng vẫn là bức tranh bằng lời. Chẳng hạn:

*Đêm đỏ trong khói lửa  
Cỏ óng trắng xéch mây.  
Rồi đêm sau trăng về  
Mặt đỏ lừ tực giận.*

Như vậy, hình ảnh từ chỗ là những vật kích thích làm nảy sinh xúc cảm đến chỗ được các em coi là phương tiện để biểu hiện thái độ của mình trước hiện thực. Nhờ đó mà các em hình thành được năng lực biết cụ thể hóa cảm nghĩ của mình bằng *ngôn ngữ giàu hình ảnh*.

#### **4. Ngôn ngữ ngắn gọn.**

Ngôn ngữ trong thơ các em rất ngắn gọn — Ngôn ngữ ngắn gọn không phải chỉ đáp ứng với các thể thơ mà chủ yếu là để phản ánh đúng cách nhìn, cách nghĩ của các em trước hiện thực — Ở nhiều bài thơ ta thấy các em viết lời ít mà diễn đạt được ý rộng sâu — Điều này được các em ý thức rõ ràng:

*Nhà thơ thì nói ngắn  
Nhà báo thì nói dài*

và được thể hiện trong thực nghiệm 4 với nhiệm vụ đặt đầu đề cho câu chuyện. Các em có năng khiếu thơ đạt ngắn gọn nhất mà nói được đúng chủ đề.

Làm thơ cuối cùng là phải đạt tới một sự thể hiện thế giới nội tâm dưới dạng vật chất nhất định – đó là ngôn ngữ thơ ca – Trên cơ sở những đặc điểm đã có trong ngôn ngữ của các em như: sớm ý thức về ngôn ngữ của mình, ngôn ngữ có chọn lọc, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh, và ngắn gọn, nếu được bồi dưỡng tốt, các em sẽ biết, sáng tạo nên nhiều cách nói, cách viết phù hợp với thơ ca

## Chương VI

### SỰ PHÁT TRIỂN NĂNG KHIẾU THƠ Ở TRẺ EM

#### I. Năng khiếu thơ.

Những nét tâm lý đặc trưng của trẻ em có năng khiếu thơ như đã trình bày ở các chương trên được hình thành trong đời sống, đặc biệt là trong hoạt động thơ ca, đồng thời chúng ta là những bộ phận tổ thành nội tại của hoạt động sáng tạo thơ ca, định hướng và thực hiện hoạt động đó đạt tới kết quả (sáng tạo những bài thơ) – Khi làm thơ các thành phần tâm lý ấy đảm nhiệm những chức năng khác nhau. Chẳng hạn, quan sát là để thu thập những ấn tượng trực quan về thế giới bên ngoài, tư duy là để phát hiện bản chất cuộc sống, tưởng tượng là để sáng tạo những hình ảnh, xúc cảm vừa là động lực thúc đẩy sự hoạt động của các quá trình tâm lý trên, vừa tổ thái độ của cá nhân trước hiện thực, ngôn ngữ là để vật chất hóa cảm nghĩ của người làm thơ v.v.. Nhưng chúng không hoạt động tách biệt mà tác động, chi phối lẫn nhau, quan hệ với nhau rất mật

thiết, dần dần kết lại thành một cấu trúc tâm lý nhất định — đó là *cấu trúc năng khiếu thơ* — Một bài thơ ra đời là kết quả tác động qua lại giữa những thành phần trên — Do đó ta có thể nói rằng: *Năng khiếu thơ là một cấu trúc tâm lý đặc trưng cho hoạt động sáng tạo thơ ca, được hình thành trong đời sống của trẻ, đặc biệt là trong hoạt động thơ ca nhằm thực hiện hoạt động sáng tạo thơ ca đạt kết quả tốt.*

Tuy nhiên năng khiếu đó được thể hiện ở các em không giống nhau về mức độ và liều lượng đậm nhạt của các thành phần — Điều đó tạo nên tính độc đáo trong thơ của từng em, làm cho vườn thơ của các em muôn sắc muôn hương.

Cấu trúc năng khiếu thơ ở trẻ em là một loại cấu trúc rất *cơ động*, nó luôn luôn biến đổi cùng với sự phát triển của nhân cách.

## 2. Các giai đoạn phát triển năng khiếu thơ.

### a) Ở tuổi mẫu giáo.

Nhiều trẻ em ở tuổi mẫu giáo do thường xuyên tiếp xúc với thơ ca nên thuộc rất nhiều thơ, ca dao, tục ngữ và rất thích nói có vần, có điệu, phỏng theo những bài thơ đã thuộc, như:

*Em ơi, em hời, em hời  
Em ra ngoài ruộng em ngồi với ta*

hoặc:

*Nhà em có con chó  
Lông nó trắng tinh  
Hai chân trước đi trước  
Hai chân sau đi sau  
Còn cái đuôi ngoáy ngoáy.*



Như vậy là các em đã « làm thơ » bằng cách rút ra từ những bài thơ đã nhớ những chữ, những câu rồi lắp ghép chúng lại theo vần điệu quen thuộc. Như vậy việc làm thơ của trẻ em lúc này chủ yếu là dựa vào hai thành phần: *tri nhớ thơ và cảm giác vần điệu và nhịp điệu*. Hai thành phần này thường xuất hiện sớm nhất — Chúng kết hợp lại với nhau tạo thành *cấu trúc sơ khai* của năng khiếu thơ ở trẻ mẫu giáo — vì thế trẻ mẫu giáo « làm thơ » tựa như máy tính điện tử « làm thơ », dựa chủ yếu vào bộ nhớ. Điểm nổi bật của cấu trúc sơ khai là *đơn sơ* và *dễ biến đổi*, thậm chí có thể mất đi nếu không được củng cố bằng hoạt động thơ ca.

b) Ở tuổi nhi đồng (từ 6 đến 8, 9 tuổi).

Bước vào thời nhi đồng, ở trẻ có một sự thay đổi cơ bản về hoạt động — Vui chơi vốn là một hoạt động chủ đạo đối với trẻ mẫu giáo, nay vai trò ấy đã bị mất đi cho hoạt động học tập dần dần chiếm địa vị chủ đạo trong cuộc sống của trẻ đầu tuổi học.

Nhờ biết chữ, các em có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với nền văn hóa xã hội, khiến cho vốn tri thức được tăng hẳn lên và tâm lý các em tiến một bước nhảy vọt — Nhờ đó năng khiếu thơ của các em phát triển lên một giai đoạn cao hơn — Điều quan trọng làm cho cấu trúc năng khiếu thay đổi là sự *phát triển mạnh của tư duy* — Tư duy phát triển đã chi phối các quá trình tâm lý khác, chẳng hạn, làm cho tri giác không chủ định biến đổi thành quan sát (tri giác có chủ định), làm xuất hiện năng lực đồng cảm v.v... Những bài thơ hay của trẻ em ở lứa tuổi này là sự kết hợp hài hòa giữa tình ngây thơ với những hiểu biết mới mẻ về thế giới.

c) Ở tuổi thiếu niên. (từ 10 đến 14, 15 tuổi)

Việc học tập của thiếu niên đã mang tính chất khoa học thực sự, thông qua các môn học. Nhờ tiếp xúc với các ngành khoa học, mà vốn hiểu biết của các em về tự nhiên và xã hội tăng lên — Quá trình tư duy đã đạt được *những mục tiêu cơ bản* của nó và tiếp tục phát triển mạnh. Nhu cầu muốn hiểu biết về bản chất của cuộc sống lại thôi thúc các em quan tâm đến những vấn đề có ý nghĩa xã hội — Đặc biệt, trong sự phát triển nhân cách của thiếu niên có một chuyên biến quan trọng. Đó là việc các em *muốn cải tổ lại những mối quan hệ với những người xung quanh* vốn từ trước đã có, để xác lập cho mình một vị trí xã hội nhất định nhằm đáp ứng nhu cầu *tự khẳng định* — Điều đó buộc các em tự đánh giá lại bản thân mình theo những giá trị xã hội — Bước ngoặt này trong sự phát triển nhân cách của thiếu niên đã làm cho đội ngũ các em làm thơ bị phân hóa: một số đông thôi không làm thơ nữa vì không tìm thấy ý nghĩa xã hội ở công việc này — Một số ít em vẫn tiếp tục làm thơ và muốn tự khẳng định mình bằng những *biểu phẩm* thơ, làm cho năng khiếu thơ phát triển mạnh.

Đến cuối tuổi thiếu niên (hoặc đầu tuổi thanh niên) ở các em có sự xuất hiện *thế giới quan và lý tưởng thẩm mỹ* — Thế giới quan và lý tưởng thẩm mỹ đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển nhân cách — Nó vạch phương hướng và chi phối toàn bộ hoạt động của các em — Trong năng khiếu thơ giờ đây thế giới quan và lý tưởng thẩm mỹ được coi là hạt nhân, nó qui tụ những thành phần khác xung quanh mình tạo nên cấu trúc năng khiếu thơ chặt chẽ và hoàn thiện. Từ đó mà hình thành ở các em *bản lĩnh của chủ thể sáng tạo*.

Như vậy, năng khiếu thơ phát triển từ cấu trúc sơ khai đến cấu trúc hoàn thiện. Đó là con đường rất phức tạp, không phải bao giờ cũng thuận chiều thẳng tắp. Tùy thuộc vào tinh chất hoạt động của các em mà năng khiếu có thể mất đi hay được phát triển tốt đẹp.

### 3. Tinh chất của môi trường <sup>1</sup> và sự nảy sinh năng khiếu thơ. *bản đầu*

Những em bé làm thơ mà chúng tôi nghiên cứu và phần lớn các nhà thơ Việt Nam (mà chúng tôi đã tiến hành điều tra với kết quả là 61/62 số nhà thơ) đã được sống trong gia đình có nhiều người thích đọc thơ, ngâm thơ và làm thơ. Những âm hưởng thơ ca đó lại tác động đến trẻ vào thời kỳ *phát cảm ngôn ngữ* nên những âm hưởng đó đã để lại những ấn tượng sâu sắc nhất trong tâm trí của trẻ, có khi còn mãi cho đến già. Sống trong gia đình như vậy, trẻ em có điều kiện để khám phá ra vẻ đẹp của tiếng nói dân tộc, đặc biệt là tiếng nói thơ ca. Đó là phương tiện để nhận thức cái đẹp, đồng thời là phương tiện để biểu hiện tâm hồn. Khám phá ra cái đẹp của tiếng nói là bước đi đầu tiên, cũng là bước đi quan trọng nhất vào thế giới của cái đẹp.

Ngôn ngữ thơ ca cùng với những yếu tố thần thoại trong chuyện cổ tích và lòng yêu thương giữa những người ruột thịt đã khơi dậy ở các em *nhu cầu được biểu hiện tất cả những gì mình cảm xúc về con người và cuộc sống* — Như vậy, gia đình đã gieo mầm thơ ca *đầu tiên* vào tâm hồn trẻ và làm nảy sinh ở nó năng khiếu thơ.

Khẳng định vai trò to lớn của gia đình đối với sự nảy sinh năng khiếu thơ có nghĩa là khẳng định *tác động của một môi trường đặc biệt* (giàu âm hưởng thơ

ca, có nhiều hoạt động khơi dậy những nét tâm lý đặc trưng cho thơ ca như đã nêu ở trên) đối với trẻ em vào một thời kỳ tuổi (từ lọt lòng đến 9, 10 tuổi) là thời kỳ tiếp thu tốt nhất đối với thơ ca — Môi trường ấy không nhất thiết chỉ bó hẹp vào gia đình mà còn mở rộng ra ngoài xã hội nữa (như nhà trường, không khí của địa phương v.v...). Nhưng trong trường hợp phần lớn các nhà thơ và các em có năng khiếu thơ mà chúng tôi nghiên cứu thì gia đình là môi trường quan trọng nhất.

*ban đầu*

## KẾT LUẬN

1. Sự hình thành và phát triển năng khiếu thơ gắn liền với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của con người, trong đó trí tuệ và tình cảm, vốn sống và ước mơ, ý nghĩ và hành động v.v... kết hợp với nhau rất hài hòa — Năng khiếu thơ chỉ có thể phát triển và hoàn thiện trong quá trình đưa trẻ vươn tới chiếm lĩnh cái bản chất cao quý của con người. Vì vậy, ngay từ tuổi thơ các em cần được tham gia vào nhiều mặt hoạt động sôi nổi của cuộc sống. Trong khi vui chơi, học tập, lao động say sưa cùng với nhiều người, mối quan hệ giữa các em với những người xung quanh càng trở nên phong phú, làm giàu thêm tình cảm và vốn sống của các em. Cần cho trẻ sớm tiếp xúc với ngôn ngữ thơ ca, đó là phương tiện để các em khám phá ra cái đẹp trong nền văn hóa của dân tộc và nhân loại, đồng thời cũng là phương tiện để gọt giũa tâm hồn — Đặc biệt cần cho trẻ sớm tiếp xúc với thiên nhiên, đó là nguồn vô tận nuôi dưỡng đời sống tinh thần của con người, đồng thời là nguồn vô tận gây cảm hứng thơ ca dạt dào cho

các em. Tham gia vào nhiều mặt của đời sống là điều kiện để hình thành một nhân cách lành mạnh, hơn nữa, đối với người làm thơ cuộc sống lại là nguồn vô tận cung cấp chất liệu hiện thực để sáng tạo nên những hình tượng thơ.

2. Năng khiếu thơ có một cấu trúc tâm lý rất phức tạp bao gồm nhiều thành phần tác động, chi phối lẫn nhau. Những thành phần đó chính là những nét tâm lý đặc trưng cho hoạt động sáng tạo thơ ca.

Những nét tâm lý đặc trưng đó là :

a) Lòng say mê cảm thụ thế giới bằng sự quan sát nhạy cảm và mãnh cảm để phát hiện những thuộc tính tinh tế và mới lạ của sự vật.

b) Xu hướng muốn khám phá bản chất của cuộc sống bằng tư duy hình tượng, theo hướng tổng hợp, quện chặt với xúc cảm, có tính khái quát cao. Nhưng nó thường xuyên được sự hỗ trợ và chỉ đạo của tư duy trừu tượng.

c) Tri tưởng tượng mãnh liệt sáng tạo nên những hình ảnh mới lạ, sinh động, gợi cảm, vẽ hiện thực, bằng cách :

— Thêm yếu tố mới vào sự vật vốn có.

— Xác lập những liên tưởng sáng tạo, nhạy bén, phong phú và nhân hóa.

— Cường điệu hóa : Nhấn mạnh một số bộ phận hay thuộc tính, nâng cao tầm vóc, kích thước của sự vật vốn có để tạo nên những hình ảnh có sức biểu hiện cao.

d) Tổ thái độ của bản thân trước hiện thực bằng những xúc cảm thẩm mỹ, khái quát và tích cực trên cơ sở năng lực đồng cảm cao.

e) Vật chất hóa hình tượng thơ bằng ngôn ngữ thơ ca (tức là ngôn ngữ có chọn lọc, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh, và có dòng).

Bài thơ là kết quả của sự tác động qua lại của những thành phần trên, là sản phẩm tổng hợp của toàn bộ cấu trúc đó trong hoạt động:

*Vì vậy việc bồi dưỡng năng khiếu thơ cho trẻ trước tiên là tổ chức những hoạt động sao cho có thể kích thích những thành phần tâm lý đó được hình thành và phát triển ở các em.*

Tuy nhiên muốn cho năng khiếu thơ của trẻ phát triển thuận lợi, một mặt phải chú trọng bồi dưỡng năng khiếu này, nhưng mặt khác lại phải làm cho những khả năng khác cùng phát triển nhịp nhàng, tạo thành cái nền cơ bản cho năng khiếu thơ phát triển tốt đẹp. Có nghĩa là, *phải đạt việc bồi dưỡng năng khiếu thơ trong sự phát triển con người toàn diện.*

Việc nghiên cứu những nét tâm lý đặc trưng của trẻ em có năng khiếu thơ có thể *góp phần tìm ra cơ sở khoa học* cho việc phát hiện đúng để bồi dưỡng kịp thời những em thực sự có năng khiếu này.

3. Năng khiếu thơ có một cấu trúc rất cơ động, nó luôn luôn biến đổi và phát triển. Cho nên một em bé có năng khiếu thơ trong thời thơ ấu, điều đó không khẳng định được rằng em bé đó sẽ là một nhà thơ có tài — Vì năng khiếu chưa phải là tài năng mà chỉ là dấu hiệu của tài năng, hay nói đúng hơn, năng khiếu là dạng sơ khai của tài năng, đang được phát triển để hoàn thiện dần. Nhưng từ năng khiếu đến tài năng là cả một tiến trình lâu dài, có khi quanh co, thậm chí năng khiếu có thể mất đi hoặc chuyển sang một năng khiếu khác. Điều đó phụ thuộc vào tính chất

hoạt động của bản thân đứa trẻ. Vì vậy, trẻ em có năng khiếu thơ có thể sẽ trở thành nhà thơ có tài trong tương lai hoặc có khi năng khiếu thơ chỉ là một thành phần trong cấu trúc tổng hợp của một nhân cách toàn vẹn, hỗ trợ tích cực cho một tài năng khác phát triển. Dù ở trường hợp nào thì *việc sớm bồi dưỡng năng khiếu thơ cho trẻ em vẫn là việc làm bổ ích cho sự phát triển của trẻ.*



Những điều nghiên cứu trên đây chỉ mới phác họa những nét dễ nhận nhất về năng khiếu thơ của trẻ em Việt Nam — Còn phải chờ nhiều công trình nghiên cứu công phu nữa, của nhiều người khác mới hy vọng làm sáng tỏ những nét tâm lý đặc trưng của trẻ em có năng khiếu thơ và những năng khiếu khác, nhất là việc phát hiện những quy luật về sự hình thành và phát triển năng khiếu ở trẻ em.

## NỘI DUNG CHÍNH CỦA LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG CÁC BÀI SAU ĐÂY

### I — Trong các tạp chí.

- 1 — Từ lời ru của mẹ đến sự hình thành một năng khiếu thơ ca. Văn hóa nghệ thuật, số 29, 1973.
- 2 — Tìm hiểu tri tưởng tượng qua thơ Trần Đăng Khoa. Tác phẩm mới, số 36, 1974.
- 3 — Cách nhìn của trẻ có năng khiếu thơ ca. Nghiên cứu giáo dục, số 43, 1975.
- 4 — Những đặc trưng tâm lý của trẻ em có năng khiếu thơ ca. Tổ quốc, số 7, 1975.

### II — Trong các báo.

- 1 — Những em bé gái làm thơ. Phụ nữ, số 390.
- 2 — Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em. Nhân Dân, ngày 10-6-1978.
- 3 — Tạo nhiều ấn tượng đẹp cho trẻ thơ. Khoa học và đời sống, ngày 16-7-1978.
- 4 — Giáo dục cái đẹp trong đời sống cho trẻ. Khoa học và đời sống, ngày 1-8-1978.
- 5 — Thiên nhiên và trẻ thơ. Khoa học và đời sống, ngày 16-6-1978.
- 6 — Giáo dục nghệ thuật cho trẻ em. Khoa học và đời sống, ngày 1-12-1978.

### III — Trong các báo cáo ở :

- 1 — Tổ bộ môn — năm 1973.
- 2 — Hội nghị cải tiến giảng dạy của trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, năm 1974.
- 3 — Hội nghị tâm lý học toàn miền Bắc lần thứ III, năm 1975.